

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm B, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi và không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên

tự sống riêng từ năm 2018, do điều kiện không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung của chị và anh M có một người tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 25/4/2013 hiện đang ở cùng anh M, sau khi ly hôn chị chấp nhận để anh M nuôi con theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh Nguyễn Văn M: Anh M thống nhất ly hôn cùng chị S và chấp nhận nuôi con tên Nguyễn Thị Ái V hiện đang ở cùng anh, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản anh không đặt ra yêu cầu và đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Đối với Nguyễn Thị Ái V là con chung của chị S và anh M có nguyện vọng ở cùng anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị S được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn M có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh M được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chị S và anh M chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bản thân chị S và anh M đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn. Thực tế, đã

có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị S và anh M có một người con chung, sau khi ly hôn chị S thống nhất để anh M nuôi con, thực tế con chung của anh chị đang ở cùng anh M và có nguyện vọng ở cùng anh M, như vậy các đương sự đã thỏa thuận việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho anh M nuôi. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu về phân tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị S đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Anh M nuôi con tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 25/4/2013 hiện đang ở cùng anh M, phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh M.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chị S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng, chị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005150 ngày 19/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải